**VĂN HÓA HÁN – NÔM Ở ĐÌNH THẦN DẦU TIẾNG**

**Đậu Ngọc Hải (\*)**

Trong sắc phong của đình Dầu Tiếng lại ghi địa danh “Định Thành”: sắc cho “Thần Hoàng Bổn Cảnh Định Thành” vào năm Tự Đức V(1853). Được biết trước năm 1946, Dầu Tiếng là tên gọi chung của một vùng đất không có địa giới rõ ràng cho đến năm 1949 một đơn vị hành chính được thành lập mang tên quận Dầu Tiếng thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Đến năm 1977 đổi tên thành huyện Dầu Tiếng thuộc tỉnh Sông Bé và từ năm 1999 thuộc tỉnh Bình Dương cho tới nay.

Trước năm 1871, thôn Định Thành vào thời Minh Mạng có tên thôn Bảo Định thuộc tổng Bình Thạnh Thượng, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định. Sau khi đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ, người Pháp sắp sếp lại các đơn vị hành chính.Tổng Bình Thạnh Thượng thuộc hạt Thanh tra (đơn vị hành chánh tương đương cấp tỉnh) Sài Gòn và thôn Định Thành(trước kia là thôn Bảo Định thuộc xứ Dầu Tiếng) là một trong 12 thôn của tổng Bình Thạnh Thượng thuộc Sài Gòn.

Đến năm 1871, khi quân Pháp đánh chiếm hết Nam Kỳ lục tỉnh, tổng Bình Thạnh Thượng được sáp nhập vào tỉnh Thủ Dầu Một. Tổng Bình Thạnh Thượng

(trong đó có thôn Định Thành) về sau trở thành quận Dầu Tiếng (1946) rồi huyện Dầu Tiếng (1977) của tỉnh Thủ Dầu Một. Kể từ năm 1997 thuộc Bình Dương. Nghị định số 101/1994/QĐ-CP chuyển xã Định Thành thành thị trấn Dầu Tiếng.

Như vậy, đình Dầu Tiếng từ khi xây dựng và nhận sắc phong ở thôn Định Thành, tổng Bình Thạnh Thượng thuộc tỉnh Gia Định. Đến năm 1871, nghĩa là 140 năm trước đây mới thuộc về đất Dầu Tiếng, tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Về tên gọi Dầu Tiếng cũng giống như tên gọi Thủ Dầu Một, Dầu Tiếng là một địa danh nôm na, dân dã thuần Việt trong đó có thành tố “dầu” tức là cây dầu Rái(Dầu Lông). Theo tư liệu truyền khẩu có tên Dầu Tiếng là vì vùng đất này có cây Dầu nổi tiếng.Thuở ấy nơi đây là rừng rậm hoang vu có nhiều cây gỗ, nhiều nhất là cây dầu. Ở bờ sông Sài Gòn, tại khu vực cầu Tàu có một cây Dầu lớn ba bốn người ôm không xuể, không hiểu vì giông bão hay vì sao đã đổ xuống, thân nằm vắt ngang qua chỗ dòng sông hẹp làm thành một chiếu cầu tự nhiên. Dân ghe đi thuyền cũng như dân ở hai bên bờ sông không thể không nói tới cây dầu nổi tiếng này. Từ đó nhân dân trong vùng đất sinh ra cây Dầu nổi tiêng gọi là Dầu Tiếng[[1]](#footnote-1).

Đình được xây dựng bên bờ trái sông Sài Gòn nơi có cây Dầu nổi tiếng nói trên nên cũng được gọi tên đình là đình Dầu Tiếng. Sau khi chiếm nước ta, người Pháp lập các đồn điền cao su và đến năm 1917 đồn điền Michelin được thành lập.Họ xây nhà máy nước cạnh ngôi đình nên năm 1920 đình phải dời đến bến Vịnh cách đó khoảng 2km về phía sau hạ lưu sông Sài Gòn. Đến năm Mậu Thìn(1952), trận bão lụt lớn làm hư ngập ngôi đình nên một lần nữa ngôi đình được di dời về địa điểm hiện nay trên một ngọn đồi cao ráo có nhiều cây cổ thụ.Trải qua bao thăng trầm của lịch sử của đất nước và địa phương,vùng đất Dầu Tiếng và cả đình Dầu Tiếng luôn gắn liền với lịch sử đấu tranh chống áp bức bóc lột của thực dân và những cuộc kháng chiến chống xâm lược của địa phương và đất nước. Đồng thời đây củng là vùng đất chịu nhiều tàn phá của chiến tranh cho đến những trận chiến ác liệt cuối cùng trước ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Khi quân ta tiến chiếm và giải phóng huyện Dầu Tiếng ngày 13/3/1975, ngôi đình và nhiều cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi trong khuôn viên của đình bị hư hại và gãy đổ nặng nề hơn bởi bom đạn của máy bay quân đội Sài Gòn. Được bết khu vực đình là nơi trú quân, tập kết lực lượng của quân giải phóng (trong đó có các chiến sĩ lãnh đạo như Tám Núi, Tư Ký – Trần Văn Ký) để chuẩn bị tiến chiếm huyện lỵ Dầu Tiếng.

Sau khi hòa bình lặp lại, đến năm 1978 ông Trần Văn Ký với cương vị chủ tịch xã Định Thành cùng với nhiều cán bộ lão thành, các vị cao niên và nhân dân địa phương quyết tâm góp công góp của xây dựng lại ngôi đình. Công việc trùng tu ngôi đình tiến hành qua nhiều năm 1985, 2002, 2006, 2008…đình Dầu Tiếng mới có được qui mô kiến trúc khang trang như ngày nay.

**Nội dung liển đối, hoành phi chữ hán – nôm đình Dầu Tiếng:**

***Cặp đối cổng đình:***

聖 德 巍 峨上下 **從** 心 **尚** 正直

神 恩 浩 蕩 尊 罳 順 理 保 安 寧

Thánh đức nguy nga thượng hạ tòng tâm thượng chánh trực

Thần ân hạo đãng tôn ty thuận lý bảo an ninh

*Tạm dịch:*

*Đức của thánh cao vời, trên dưới một lòng cùng hướng theo là để giữ điều ngay thằng.*

*Ơn của thần rộng lớn, người sang, kẻ hèn thuận theo là để giữ được sự an lành.*

***Các cặp câu đối khu vực Bình phong:***

白 山 涯 水 長 永 伴

世 外 桃 源 伙 神 仙

Bạch sơn nhai thủy trường vĩnh bạn

Thế ngoại đào nguyên hỏa thần tiên

*Tạm dịch:*

*Núi tuyết với bờ nước làm bạn lâu dài mãi mãi*

*Nhiều đời quen biết nhau thì cùng là thần tiên*

為 國 捐 驅 君 臣 纪 功 名

拾 男 成 仁 貞 忠 同 日 月

Vị quốc quyên khu quân thần kỷ công danh

Thập nam thành nhân trinh trung đồng nhật nguyệt

*Tạm dịch:*

*Giúp cho đất nước, vua và bề tôi góp sức gỡ mối công danh*

*Thu thập trai tráng với tấm lòng trung thành qua ngày tháng*

朗 月 中 天 好 張 帜(幟)

朝 市 罷 回 榔 邊 息

Lãng nguyệt trung thiên hảo trương sí

Triêu thị bãi hồi lang biên tức

*Tạm dịch:*

*Trăng sáng giữa trời thích giăng cờ*

*Chợ sớm tan về nghỉ bên cau*

私 公 道 恩 怨 分 明

事 嚴 正 萬 民 得 福

Tư công đạo ân oán phân minh

Sự nghiêm chính vạn dân đắc phước

*Tạm dịch:*

*Chuyện riêng chuyện chung đường ân oán rõ ràng*

*Việc nghiêm khắc chính trực ngàn dân được phúc*

曠 前 神 虎 一 聲 吼 山 後 百 獸 四 驚 逭

泠 月 高 照 科 玻 上 獨 憐 隻 影 胃 寒 霜

Khoáng tiền thần Hổ nhất thanh hống sơn hậu bách thú tứ kinh hoán

Linh nguyệt cao chiếu khoa pha thượng độc liên chích ảnh vi hàn sương.

*Tạm dịch:*

*Thần Hổ thanh thản gầm một tiếng trên núi thì trăm thú phải sợ hãi trốn tránh*

*Trăng sáng chiếu rọi như pha lê trên cao, một mình thương xót bóng người lẻ loi ngoài sương lạnh.*

風 棬 浮 雲 國 金 龍

浪 濁 翶 騰 出 神 龟

Phong quyển phù vân quốc kim long

Lãng trọc cao đằng xuất thần quy

*Tạm dịch:*

*Gió cuốn trên mây, đất nước như con rồng vàng*

*Con sóng đùa giỡn, rùa thần nhảy chồm lên*

***Các cặp đối gian Tiền điện***:

普 見 人 間 歌 聖 母

惠 從 天 上 降 麟 兒

Phổ kiến nhân gian ca Thánh Mẫu

Huệ tòng thiên thượng giáng lân nhi[[2]](#footnote-2)

*Tạm dịch:*

*Khắp cả nhân gian ca Thánh Mẫu*

*Huệ ở trên trời giáng cháu con*

天 賦 五 行 千 年 在

地 承 寶 物 萬 世 流

Thiên phú ngũ hành thiên niên tại

Địa thừa bảo vật vạn thế lưu

*Tạm dịch:*

*Trời ban cho năm chất (Kim- Mộc- Thủy- Hỏa- Thổ) tồn tại ngàn năm.*

*Đất nhận lấy vật quý lưu lại ngàn đời.*

深 山 五 嶽 聚 秀 靈

瑞 氣 行 雲 降 吉 祥

Thâm sơn ngũ nhạc tụ tú linh

Thụy khí hành vân giáng cát tường

*Tạm dịch* :

*Núi cao thăm thẳm hội tụ linh thiêng đẹp đẽ*

*Khí tốt đẹp mây bay giáng xuống điềm lành*

天 扶 越 國 基 圖 盛

地 接 南 南 春 色 多

Thiên phù Việt quốc cơ đồ thịnh

Địa tiếp Nam đô xuân sắc đa

*Tạm dịch:*

*Trời giúp cho cơ đồ nước Việt được thịnh vượng*

*Đất nối tiếp kinh đô trời Nam nhiều sắc xuân.*

**上** 帝 乘 恩 因 人 施 雨 露

天 官 賜 福 隨 時 降 禎 祥

Thượng đế thừa ân nhân nhân thi vũ lộ

Thiên quan tứ phúc tùy thời giáng trinh tường

*Tạm dịch:*

*Nhờ ơn thượng đế thi ân tới muôn người*

*Thiên quan ban phước thời giáng đều tốt lành*

***Bài vị gian Tiền điện:***

十 類 孤 魂

Thập loại cô hồn

*Tạm dịch: bài vị tại miếu thờ các cô hồn các đãng.*

五 行 娘 娘

Ngũ Hành Nương Nương

*Tạm dịch: Bàn thờ của năm vị nương nương*

***Hoành phi gian Tiền điện:***

亭 社 成 定

Đình xã Thành Định

*Tạm dịch: Đình làng xã Định Thành*

***Các cặp câu đối gian Chánh điện:***

貫 雨 光 賢 德 行 碌

不 負 人 神 一 庀 心

Quán vũ quang hiền đức hành lục

Bất phụ nhân Thần nhất phỉ tâm

*Tạm dịch:*

*Người tài giỏi đức độ làm việc cần cù*

*Không làm trái lòng Thần lòng người*

洋 洋 在 上 恩 扶 世 上 得 平 安

櫂 櫂 厥 靈 德 護 生 靈 皆 康 泰

Dương dương tại thượng ân phù thế thượng đắc bình an

Trạc trạc quyết linh đức hô sinh linh giai khang thái

*Tạm dịch:*

*Ơn trên phong phú phù hộ nhân dân được bình an*

*Đức linh trong sáng che chở muôn loài được khỏe mạnh.*

聖 德 如 天 高 眾 度 天 秋 同 襶 德

神 功 若 地 厚 群 生 萬 代 共 欽 功

Thánh đức như thiên cao chúng độ thiên thu đồng đới đức.

Thần công nhược địa hậu cần sinh vạn đại cộng khâm công.

*Tạm dịch:*

*Đức của thánh như trời cao chúng dân ngàn thu đều mang lấy đức.*

*Công của thần tựa đất dày muôn loài vạn thuở đều ghi nhớ công.*

定 爵 列 三 曹 報 應 有 時 分 善 惡

城 神 随 六 合 英 赫 正 大 顯 靈 通

Định tước liệt tam tào báo ứng hữu thời phân thiện ác

Thành thần tùy lục hợp anh hách chính đại hiển linh thông

*Tạm dịch:*

*Định chức tước thành ba bậc ứng theo thời cuộc chia ra thành thiện ác.*

*Thành Thần chia theo sáu bậc hợp với người tài giỏi vẻ vang uyên bác.*

*(Lục hợp* có thể không dịch, *Lục hợp* gồm trời-đất-đông-tây-nam-bắc)

定 居 樂 業 恩 良 煖

城 池 堅 固 護 庶 民

Định cư lạc nghiệp ân lương noãn

Thành trì kiên cố hộ thứ dân

*Tạm dịch:*

*An cư lạc nghiệp ơn thần tốt lành, ấm áp.*

*Thành trì kiên cố che trở nhân dân.*

Bài vị: 神 : Thần

*Tạm dịch: Bài vị của Thần Hoàng Bổn Cảnh*.

***Hoành phi gian chánh điện:***

大 浩 光 恩

Đại hạo quang ân

*Tạm dịch: Ân chiếu sáng vô cùng to lớn*

循 儀 古 例

Tuân nghi cổ lệ

*Tuân theo nghi lễ lệ xưa*

鐘 鼓 和 諧

Chung cổ hòa giai

*Chuông trống hài hòa*

琴 鼓 座

Cầm cổ tọa

*Tòa đàn trống*

***Cặp câu đối ở bàn thờ Hậu Hiền:***

恭 請 後 賢 列 位 座 位

Cung thỉnh Hậu hiền liệt vị tọa vị

*Cung thỉnh các vị Hậu hiền tọa vị*

基 業 創 成 民 歡 暢

萬 家 飽 暖 賴 神 恩

Cơ nghiệp sáng thành dân hoan sướng

Vạn gia bão noãn lại thần ân

*Tạm dịch:*

*Cơ nghiệp tạo nên dân vui sướng*

*Muôn nhà no ấm nhờ ân thần*

***Cặp đối ở bàn thờ Tây hiến:***

恭 請 西 獻 列 位 座 位

Cung thỉnh Tây hiến liệt vị tọa vị

*Cung thỉnh các vị Tây hiến tọa vị*

為 國 犧 牲 男 兒 務

大 夫 氣 魄 壯 如 山

Vị quốc hy sinh nam nhi vụ

Đại phu khí phách tráng như sơn

*Tạm dịch:*

*Vì nước hy sinh việc nam nhi*

*Đại phu khí phách mạnh như núi*

***Cặp câu đối ở bàn thờ Hữu Ban:***

恭 請 右 班 列 位 座 位

Cung thỉnh Hữu ban liệt vị tọa vị

*Cung thỉnh các vị Hữu ban tọa vị*

常 念 身 負 君 臣 記

力 除 奸 邪 扶 正 道

Thường niệm thân phụ quân thần ký

Lực trừ gian tà phù chính đạo

*Tạm dịch:*

*Thường niệm mình mang nghĩa vua tôi*

*Sức trừ gian tà phò chính đạo*

***Cặp câu đối trên bàn thờ Đông hiến:***

恭 請 東 獻 列 位 座 位

Cung thỉnh Đông hiến liệt vị tọa vị

*Cung thỉnh các vị Đông hiến tọa vị*

誓 保 山 河 長 永 在

社 稷 安 危 民 有 責

Thệ bảo sơn hà trường vĩnh tại

Xã tắc an nguy dân hữu trách

*Tạm dịch:*

*Thề giữ non sông mãi tồn tại*

*Xã tắc an nguy dân gánh vác*

***Cặp câu đối trên bàn thờ Tiền Hiền:***

恭 請 前 賢 列 位 座 位

Cung thỉnh Tiền hiền liệt vị tọa vị

*Cung thỉnh các vị Hiền hiền tọa vị*

開 荒 闢 地 除 荊 刺

墾 成 耕 地 發 黎 民

Khai hoang tịch địa trừ kinh cức

Khẩn thành canh địa phát lê dân

*Tạm dịch:*

*Khai hoang mở đất trừ gai góc*

*Canh tác đất đai phát muôn dân*

***Cặp câu đối trên bàn thờ Hậu bối.***

衆 庶 虔 誠 求 百 福

鼓 樂 笙 歌 度 昇 平

Chúng thứ kiền thành cầu bách phúc

Cổ nhạc sanh ca độ thăng bình

*Tạm dịch:*

*Dân chúng kính thành cầu trăm phúc*

*Trống nhạc đàn ca độ thăng bình*

Đình thần Dầu Tiếng có ý nghĩa lịch sử luôn gắn liền với sự hình thành và phát triển của vùng đất Định Thành thôn xưa và thị trấn Dầu Tiếng ngày nay. Trong thời gian mở đất lập làng, đình là trung tâm sinh hoạt văn hóa xã hội và tín ngưỡng của cộng đồng dân tộc định cư tại đây. Trong thời gian đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình là một trong những cứ điểm quan trọng của lực lượng giải phóng chống kẻ thù xâm lược .Sau khi đất nước giải phóng, đình lại tiếp tục được khôi phục và duy trì các sinh hoạt văn hóa truyền thống của địa phương. Trong những năm gần đây, đình còn là một địa điểm tham quan du lịch của du khách trong và ngoài tỉnh khi đến Dầu Tiếng.

Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Định Thành Thôn xưa, Dầu Tiếng ngày nay ở mỗi thời kỳ có hoàn cảnh lịch sử khác nhau nhưng đình vẫn luôc là nơi nhân dân đến hội họp và chiêm bái thần để cầu cho mư thuận gió hòa, cây trái xanh tươi, mùa màng được bội thu. Đình còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa về chữ hán nôm được ghi lại tại đình, là một trong những di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Bình Dương.

**ĐNH**

1. (\*)Ban quản lý Di tích và Danh thắng Bình Dương. Email: hai.ngochai86@gmail.com

   Theo TS. Huỳnh Ngọc Đáng thì có cách giải thích khác: Nguyên hai chữ Dầu Tiếng được ghi chép trong sách vở triều Nguyễn là “ *Du* *tỉnh* ”có nghĩa là giếng dầu. Vùng này có nhiều dầu, dầu từ thân cây chảy ra đọng lại thành vũng như giếng. Dầu giếng lâu ngày đọc trại thành Dầu Tiếng… [↑](#footnote-ref-1)
2. 麟兒 (Lân nhi): tức kỳ lân, một loài thú nhân từ trong truyền thuyết. Thường dùng “Lân nhi”để ca ngợi con cái của người khác, ngày xưa thành viên vương thất cũng dùng để chỉ con cái của mình [↑](#footnote-ref-2)